TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 19-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Nhân.

2. Ông Đặng Hoàng Mơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 31/5/2018, đối với bị cáo: N, sinh năm 1995, tại huyện D, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp O, xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B và bà T; Tiền án: Chưa; Tiền sự: Có 01 tiền sự (Ngày 17/01/2018 có hành vi trộm cắp tài sản, ngày 28/01/2018 bị Công an xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng). Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận (Có mặt).

Người bị hại: K, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông P, sinh năm 1970 (là cha ruột của bị hại K); địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông H, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

2. Ông D, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/01/2018, N đi bộ từ nhà (ấp O, xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu) đến phần đất vuông tôm của ông P (tại ấp P, xã N) thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu ESPRO CUP, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 68GA-012.11 của anh K đang đậu cặp bờ vuông của ông P (ông P là cha ruột của anh K) có gắn sẵn chìa khóa trên xe nhưng không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp xe. N lén lút đi đến chỗ chiếc xe đang đậu rồi lấy xe, nổ máy chạy về hướng trụ sở ấp P, xã N được một đoạn khoảng 50 mét thì anh K phát hiện, truy hô và cùng gia đình ông H lấy xe đuổi theo N. Nghe tiếng truy hô của anh K, ông D từ trong nhà mình chạy ra lộ chặn xe và bắt giữ N cùng tang vật giao cho Công an xã N xử lý. Trong quá trình điều tra N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án là 01 xe mô tô hiệu ESPRO CUP, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 68GA-012.11, xe đã qua sử dụng. Ngày 30/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận đã trả lại cho người bị hại K.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Thuận kết luận về giá trị 01 xe mô tô hiệu ESPRO CUP, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 68GA-012.11 là 11.096.000 đồng (Mười một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Cáo trạng số 12/CT-VKSVT ngày 05/4/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo N từ 06 đến 09 tháng tù. Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Viện Kiểm sát không đề nghị về trách nhiệm dân sự.

Người bị hại K và người điện diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày. Nhưng người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo.

Bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại K và người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông P có đơn xin vắng mặt phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của người bị hại và người đại diện của bị hại không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, căn cứ kết quả thẩm vấn cùng các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 17/01/2018, N lén lút trộm 01 xe mô tô hiệu ESPRO CUP, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 68GA-012.11 của anh K đang đậu trên lộ cặp bờ vuông của ông P tại ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang thì bị anh K phát hiện, truy hô và cùng gia đình ông H, ông D chặn xe, bắt giữ N cùng tang vật giao cho Công an xã N xử lý. Trong quá trình điều tra N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[4] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo N đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để xe có gắn chìa khóa trên xe, không người trông coi, lén lút lấy trộm xe của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; khi thực hiện hành vi bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị theo định giá là 11.096.000 đồng. Hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định như sau:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm".

c) Gây ảnh hưởng xấu đếnan ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật".

[5] Bị cáo là thanh niên trong tuổi lao động, nhưng không tự kiếm tiền chân chính, lại tham lam, muốn chiếm đoạt thành quả lao động của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Trước khi bị cáo thực hiện hành vi trộm xe của anh K, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị Công an xã A xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian, để Nhà nước giáo dục, cải tạo bị cáo, sau khi chấp hành án xong bị cáo biết sửa chữa, trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo N phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo N **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và các Điều 6; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/6/2018). Người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại; đại diện của người bị hại;
- UBND xã A;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CA tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận